

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2022/QĐST-KDTM

H, ngày 09 tháng 8 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2022/TLST-KDTM “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” ngày 15 tháng 6 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**1.1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần V;** Mã số doanh nghiệp: 010639\*\*\*\*; Trụ sở: XXX Khu đô thị L, phường P, quận Đ, TP H; Văn phòng giao dịch: Trạm bê tông V, số XX đường T, phường T, huyện T, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H – Chức vụ: Giám đốc; Điện thoại liên hệ: 0912 270 \*\*\*.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Từ Thị H– Giấy chứng minh nhân dân số 18407\*\*\*\*, do Công an tỉnh H cấp ngày 30/6/2011.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ

– sinh năm 1992 – Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Đông H.

**1.2. Bị đơn: Công ty Cổ phần K; mã số doanh nghiệp: 010673\*\*\*\*;**  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà L, Số XXX KX, phường C, quận T, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn T - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M – Chức vụ: Kế toán; Căn cước công dân số: 03418700\*\*\*\* do Cục CS ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư cấp; Địa chỉ: P6\*\* nhà N1, CC Đ, phường T, quận M, thành phố H; Điện thoại liên hệ: 0934.26\*\*\*\*.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận ngày 09/01/2016, Công ty cổ phần V và Công ty trách nhiệm hữu hạn K – nay là Công ty Cổ phần K đã ký Hợp đồng kinh tế (Mua bán bê tông thương phẩm), theo đó Công ty cổ phần V tiến hành cung cấp bê tông thương phẩm theo mác, chỉ tiêu kỹ thuật và các dịch vụ khác cho Công ty cổ phần K tại công trình xây dựng trung tâm sản xuất chương trình truyền hình Q – Số XX phố B, quận K, thành phố H.

- Hai bên xác nhận số tiền Công ty cổ phần K còn nợ Công ty cổ phần V tính đến ngày 31/7/2022 là **4.722.887.954** đồng (*Bốn tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi tư đồng*), trong đó:

+ Giá trị khối lượng bê tông thương phẩm còn thiếu là 3.208.515.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm linh tám triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng).

+ Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 31/5/2017 đến ngày 30/6/2020 là 879.702.616 đồng (Tám trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm linh hai nghìn, sáu trăm mười sáu đồng).

+ Tiền lãi từ 01/7/2020 đến 31/7/2022: 634.670.338 đồng (Sáu trăm ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm ba mươi tám đồng).

- Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2020, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 9,5%/năm. Hai bên đồng ý tiếp tục thực hiện theo mức lãi suất này đến khi thi hành xong khoản nợ.

2.2. Về lãi chậm thi hành án: kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày lập biên bản hòa giải thành là ngày 01.8.2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 9,5%/năm.

2.3. Về án phí:

Công ty Cổ phần K phải chịu: 56.361.444 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần V số tiền 56.100.000 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0007816 ngày 15.6.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố H).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).